

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh Phc**

Bản án số: 07 /2019/HS-ST
Ngày: 28 - 02 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thuỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Trung;
2. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng.

- Thư ký phiên toà: Ông Văn Nguyệt Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với:

Bị cáo: Văng Văn B, sinh ngày 09 tháng 4 năm 1992, tại: Châu Đốc - An Giang; quê quán: Châu Đốc – An Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ 13, khóm L, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 3/12; giới tính: N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; con ông Văng Văn E (chết) và bà Trịnh Thị Ngh(sinh năm 1966).

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 19/11/2018, bị cáo bị tạm giam cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Phước N, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ 01, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Dương Minh Nh, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 12, khóm G, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Huỳnh Văn É, sinh năm 1979; nơi cư trú: số 19, khóm Q, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang; **vắng mặt.**

- Ông Huỳnh Diễm Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: : số 19, khóm Q, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang; **vắng mặt.**

- Ông Lê Văn Ph, sinh năm 1971; nơi cư trú: : tổ 101, ấp A, thị trấn P, huyện H, tỉnh An Giang; **vắng mặt.**

- Ông Dương Văn K, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp A, thị trấn P, huyện H, tỉnh An Giang; **vắng mặt.**

- Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 19, ấp H, xã V, thành phố D, tỉnh An Giang; **vắng mặt.**

- Ông Trần Ngọc Ph, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ 8, khóm B, phường M, thành phố D, tỉnh An Giang; **vắng mặt.**

- Ông Phan Nghiệp Th, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; **vắng mặt.**

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn D; **vắng mặt.**

- Ông Nguyễn Ph V; **vắng mặt.**

- Bà Nguyễn Thị Th; **vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Văng Văn B bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo lợi dụng sự quen biết đã mượn và được giao tài sản, sau đó chiếm đoạt tài sản của nhiều người trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, cầm cố, dùng vào việc đánh bạc dẫn đến không khả năng trả lại tài sản. Cụ thể các lần:

Lần thứ 1: Khoảng 1 giờ ngày 16/3/2017, bị cáo và Nguyễn Phước N (bạn của bị cáo) cùng đến quán karaoke Vy Vy. Tại đây, bị cáo hỏi N mượn xe mô tô biển số 67K5 – 9685 để đi công việc. Trên đường đi, bị cáo có ý định chiếm đoạt tài sản của N. Bị cáo đã mang xe, giấy chứng nhận đăng ký xe, chứng nhận bảo hiểm xe và giấy phép lái xe của N cầm cố của Huỳnh Văn É với số tiền 8.300.000 đồng. Sau đó, bị cáo dùng số tiền vào việc đánh bạc và thua hết.

Lần thứ 2: Khoảng 21 giờ ngày 06/9/2018, bị cáo cùng Dương Minh Nh và Nguyễn Ph V uống rượu tại nhà trọ Hoàng Huy. Lúc này, Nh đưa xe mô tô

biển số 69L1 – 0993 và 100.000 đồng cho bị cáo, nhờ bị cáo mua rượu và thức ăn để uống tiếp. Trên đường đi, bị cáo có ý định chiếm đoạt xe của Nh nên đã mang xe của Nh đi cầm cố cho Trần Ngọc Ph được 1.500.000 đồng, sử dụng vào việc đánh bạc và thua hết.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn đỏ, biển số 67K5 – 9685, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô; 01 Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Ngọc C; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Phước N (đã trả cho Nguyễn Phước N); 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Taurus, màu sơn đen, biển số 69L1 – 0993 (đã trả cho Nguyễn Minh Nh); 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Văng Văn B (đã giao trả cho bị cáo); 01 biển số xe mô tô 67N5 – 5798 đã bàn giao cơ quan Thi hành án dân sự.

Căn cứ các kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 126, 269/KL-ĐG ngày 11/8/2017 và ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Châu Đốc ghi nhận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn đỏ, biển số 67K5 – 9685 trị giá 6.000.000 đồng (của bị hại N).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Taurus, màu sơn đen, biển số 69L1 – 0993 trị giá 4.500.000 đồng (của bị hại Nh).

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đốc ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (đối với sự việc xảy ra ngày 16/3/2017) vào ngày 25/9/2017; ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (đối với sự việc xảy ra ngày 06/9/2018), Quyết định nhập vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với B vào cùng ngày 05/11/2018.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thành phố Châu Đốc, bị cáo có lời khai giống như nội dung cáo trạng thể hiện. Bị cáo còn khai, khi mang xe cầm cho É và Ph, bị cáo không nói xe do phạm tội mà có.

Lời khai của những người bị hại:

Ông Nguyễn Phước N khai, khoảng 17 giờ ngày 16/3/2017, N cùng D (bạn N), bị cáo và người N là bạn của bị cáo uống rượu (lúc này N không biết tên của bị cáo và người N bạn của bị cáo). Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, N rủ tất cả cùng đến quán karaoke Vy Vy nhưng chỉ có bị cáo đồng ý đi cùng. Đến nơi, N cùng bị cáo vào phòng hát được một lúc thì bị cáo hỏi mượn xe mô tô biển số 67K5 – 9685 của N đi có việc, hẹn một lát sẽ quay lại trả. N đồng ý và đưa chìa khoá xe cho bị cáo. Sau đó, bị cáo mang xe đi luôn không về. Đến ngày 18/3/2017, N đến Công an phường Châu Ph A trình báo sự việc. Ngày 05/7/2017, N phát hiện anh K điều khiển xe của N nên N giữ lại và trình báo. N đã nhận lại xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường, yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

Ông Dương Minh Nh khai, khoảng 21 giờ ngày 06/9/2018, Nh cùng Nguyễn Ph V đến phòng trọ của bị cáo tại nhà trọ Hoàng Huy uống rượu. Được khoảng 30 Pht thì Nh đưa 100.000 đồng và chìa khoá xe mô tô biển số 69L1 – 0993 của Nh cho bị cáo, nhờ bị cáo đi mua trái cây và rượu về uống tiếp. Đến khoảng 01 giờ ngày 07/9/2018, không thấy bị cáo mang xe về nên Nh về nhà ngủ. Đến 10 giờ cùng ngày, Nh đến phòng trọ gặp bị cáo thì bị cáo nói xe đã bị cảnh sát giao thông bắt. Vài ngày sau, V cho Nh biết, bị cáo đã cầm xe của Nh tại tiệm game bắn cá Hoài Phương và kêu Nh đến tiệm game chuộc xe. Ngày 14/9/2018, Nh trình báo công an. Hiện nay, Nh đã nhận lại xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Huỳnh Văn É khai, ông là chủ tiệm cầm đồ “Tân Phát”. Khoảng 20 giờ, không nhớ ngày tháng 3/2017, bị cáo mang xe mô tô biển số 67K5 – 9685 đến cầm với giá 8.000.000 đồng, bị cáo giao cho ông giấy đăng ký xe và chứng minh nhân dân mang tên Văng Văn B. Khoảng 02 ngày sau, bị cáo đến mang giấy phép lái xe hạng A1, xe mang tên Nguyễn Phước N thế chấp để lấy 300.000 đồng. Đến khoảng tháng 4/2017, do bị cáo không đến chuộc xe nên ông đã nhờ Huỳnh Diễm Q (em ruột ông) bán dùm cho người khác (sau này biết người bán tên là Dương Văn K) với giá 11.200.000 đồng. Đến tháng 7/2017, ông biết xe mô tô nói trên là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên ông đã trả số tiền 11.200.000 đồng cho ông Ph, K. Ông yêu cầu bị cáo trả lại 8.300.000 đồng.

Ông Huỳnh Diễm Q khai, vào khoảng cuối tháng 4/2017, do ông É nhờ ông bán dùm xe mô tô biển số 67K5 – 9685 nên ông đã nhờ Lê Văn Ph tìm người mua, Ph giới thiệu cho K mua xe với giá 11.200.000 đồng.

Ông Lê Văn Ph khai, vào khoảng tháng 4/2017, Quốc nhờ ông bán xe mô tô biển số 67K5 – 9685 nên ông đã mua xe lại với giá 11.200.000 đồng để bán lại kiếm lời. Khoảng 04 đến 05 ngày sau, ông bán xe lại cho K với giá 12.500.000 đồng. Khi biết xe mô tô do phạm tội mà có nên ông đã nhận số tiền 12.200.000 đồng từ ông É và 300.000 đồng của bản thân để hoàn trả lại cho K.

Ông Dương Văn K khai, khoảng tháng 4/2017, ông có mua của Ph xe mô tô biển số 67K5 – 9685 với giá 12.500.000 đồng, không lập hợp đồng mua bán. Ph có giao cho ông giấy đăng ký xe mô tô. Ngày 05/7/2017, khi biết xe mô tô do phạm tội mà có nên ông đã giao nộp cho cơ quan Công an. Ông É, và ông Ph đã hoàn trả số tiền 12.500.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường.

Ông É, Quốc, Ph, K đều khai, khi nhận cầm, nhờ người bán và mua bán xe đều không biết xe mô tô nói trên là tài sản do phạm tội mà có.

Ông Trần Ngọc Ph khai, ông là quản lý tiệm game bắn cá Hoài Phương. Khoảng 22 giờ ngày 06/9/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 69L1 – 0993 đến nhờ ông cầm dùm, ông đồng ý cầm cho bị cáo với giá 1.500.000 đồng. Nhiều ngày không thấy bị cáo đến chuộc xe nên ông đã lấy biển số xe 67N5 –

5798 thay vào biển số xe 69L1 – 0993 để sử dụng. Ngày 09/10/2018, sau khi được Công an cho biết xe mô tô là do bị cáo phạm tội mà có nên đã giao nộp cho Cơ quan Công an. Ông yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc C khai, bà là chủ sở hữu xe mô tô biển số 67K5-9685, mua vào năm 2004. Sau đó, bà đã cho lại N sử dụng, không có yêu cầu khác.

Ông Phan Nghiệp Th khai, ông là người mua và đứng tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 69L1-0993. Vào năm 2016, ông đã bán xe lại cho người N thanh niên tại tỉnh Bình Dương, không lập hợp đồng mua bán.

Lời khai của những người làm chứng:

Ông Nguyễn Ph V khai, khoảng 21 giờ ngày 06/9/2018, Nh điều khiển xe mô tô biển số 69L1-0993 chở ông đến phòng trọ của bị cáo tại nhà trọ Hoàng Huy uống rượu. Do hết thức ăn nên Nh đưa 100.000 đồng và chìa khoá xe mô tô biển số 69L1 – 0993 của Nh cho bị cáo, nhờ bị cáo đi mua trái cây và rượu về uống tiếp, nhưng bị cáo đi luôn, không thấy mang xe về. Đến ngày 10/3/2019, ông tìm thấy bị cáo thì bị cáo cho biết đã mang xe của Nh đi cầm tại tiệm game bắn cá Hoài phương nên báo cho Nh biết.

Ông Nguyễn Văn D khai, khoảng 17 giờ ngày 16/3/2017, ông cùng N uống rượu tại quán thịt cây 30/4. Một lúc sau, có hai người thanh niên lạ mặt đến uống cùng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, N rủ tất cả cùng tìm chỗ khác uống rượu tiếp nhưng chỉ có một N thanh niên đi cùng N, không rõ đi đâu. Riêng ông thì về nhà ngủ, đến khuya thì N cho biết người thanh niên đó lấy xe của N đi mất.

Cáo trạng số 07/CT-VKS-CD ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Văng Văn B về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo B khai nhận hành vi phạm tội đúng như lời khai thể hiện tại Cơ quan Điều tra và nội dung cáo trạng thể hiện; xác định khi giao dịch cầm xe không nói cho ông É, ông Ph biết là do bị cáo phạm tội mà có; lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần tranh luận:

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo

quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, lợi dụng sự quen biết của người khác để chiếm đoạt tài sản với giá trị tài sản của mỗi lần chiếm đoạt đủ định lượng, sử dụng vào mục đích bất hợp pháp, dẫn đến không khả năng trả lại tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và gây mất trật tự tại địa phương; mặt khác bị cáo có nhân thân xấu, năm 2008 bị xử phạt 7 năm tù về tội hiếp dâm trẻ em được xóa tích, nay lại vi phạm pháp luật. Vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là thành phần lao động, nhận thức pháp luật hạn chế, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ngoài ra bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do phạm tội hai lần trở lên.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 2 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 67N5 – 5798 không có giá trị sử dụng.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015 buộc bị cáo bồi thường cho ông É 8.300.000 đồng, ông Ph 1.500.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô của các bị hại trên địa bàn thành phố Châu Đốc nên bị Cơ quan điều tra - Công an thành phố Châu Đốc khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an nhân dân thành phố Châu Đốc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Châu Đốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại.

[3] Sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận lợi dụng sự quen biết với N và Nh nên có hỏi mượn xe mô tô biển số kiểm soát 67K5-9685 của N để đi công việc và được Nh giao xe mô tô biển số kiểm soát 69L1-0993 để làm phương tiện đi mua rượu và thức ăn nên bị cáo nảy sinh ý định cầm 02 xe mô tô trên lấy tiền đánh bạc thua hết.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai các người bị hại, người liên quan, người làm chứng trong giai đoạn điều tra; phù hợp biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm do Công an phường Châu Ph A , B lập ngày 18/3/2017, ngày 14/9/2018 và các chứng cứ khác được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Đủ căn cứ kết luận bị cáo Văng Văn B có hành vi lợi dụng sự quen biết mượn tài sản của ông Nguyễn Phước N (chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Ngọc C) trị giá 6.000.000 đồng và được ông Dương Minh Nh (chủ sử dụng ông Phan Nghiệp Th) giao tài sản trị giá 4.500.000 đồng rồi chiếm đoạt sử dụng vào việc đánh bạc là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác.

Viện kiểm sát truy tố bị cáo B theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

Bị cáo B có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

[2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông N, ông Nh, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là thành phần lao động là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hành sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo trong khi lượng hình.

[4] Hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự địa phương. Xét, phải có mức hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Riêng ông É, Quốc, Ph, K đều khai, khi nhận cầm, nhờ người bán và mua bán xe đều không biết là tài sản do phạm tội mà có, bị cáo không nói cho biết nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Bị cáo thuộc thành phần lao động, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Các bị hại ông N, Nh đã nhận lại tài sản theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 25/11/2017, ngày 04/01/2019 và không có yêu cầu khác nên không đề cập xem xét.

Riêng 01 biển số xe mô tô 67N5 – 5798 thu giữ, ông Ph khai khi bị cáo mang cầm xe mô tô biển số 69L1 – 0993, ông thay vào biển số xe của Nh để sử dụng, không có yêu cầu nhận lại; hiện không có giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy.

[5] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Đối với việc bị cáo giao dịch cầm xe ô tô biển số 67K5-9685, ông É nhận cầm từ bị cáo, sau đó nhờ Quốc bán, ông Ph mua, ông K là người mua lại cuối cùng. Ông É đã giao tiền cho Ph trả lại cho ông K, trong lời khai ông Ph, ông K đã xác nhận; ông É có yêu cầu bị cáo hoàn trả lại 8.300.000 đồng.

Đối với việc bị cáo giao dịch cầm xe mô tô biển số kiểm soát 69L1-0993 cho ông Ph với giá 1.500.000 đồng và ông Ph có yêu cầu bị cáo bồi thường,

Do đó, bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông É 8.300.000 đồng, ông Ph 1.500.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Văng Văn B phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Văng Văn B 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính từ ngày 19/11/2018.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe mô tô 67N5 – 5798 (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/01/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và 589 Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Văng Văn B có trách nhiệm bồi thường cho ông Huỳnh Văn É 8.300.000 (tám triệu ba trăm nghìn) đồng và ông Trần Ngọc Ph 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Văng Văn B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 490.000 (bốn trăm chín mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử Phc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy

